

Số: 18734/BTC-CST

V/v chính sách thuế đối với
hoạt động cho thuê tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014

Kính gửi:

- Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam;
- Cục thuế, Cục hải quan các tỉnh, thành phố.

Bộ Tài chính nhận được văn bản số 25/CQTT-VP ngày 11/7/2014 của Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) đề nghị hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với hoạt động cho thuê tài chính theo Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 7/5/2014. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về thuế nhập khẩu:

- Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển do các công ty cho thuê tài chính nhập khẩu trước ngày 01/5/2013 để cho các dự án ưu đãi đầu tư thuê tài chính, Bộ Tài chính đã có công văn số 17084/BTC-TCHQ ngày 24/11/2014 hướng dẫn được miễn thuế nhập khẩu như chủ dự án trực tiếp nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ.

- Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển do các công ty cho thuê tài chính nhập khẩu kể từ ngày 01/5/2013 đến trước ngày 25/6/2014 (ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) để cho các dự án ưu đãi đầu tư thuê tài chính, Bộ Tài chính đã có công văn số 7444/BTC-TCHQ ngày 11/6/2013, công văn số 16587/BTC-TCHQ ngày 29/11/2013 hướng dẫn được miễn thuế nhập khẩu như chủ dự án trực tiếp nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ.

- Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển do các công ty cho thuê tài chính nhập khẩu kể từ ngày 25/6/2014 để cho các dự án ưu đãi đầu tư thuê tài chính, các công ty cho thuê tài chính tiếp tục được miễn thuế nhập khẩu như chủ dự án trực tiếp nhập khẩu như đã hướng dẫn tại công văn số 16587/BTC-TCHQ ngày 29/11/2013 và Điều 100 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính.

✓ 2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có): Thực hiện theo quy định của Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Về lệ phí trước bạ:

- Tại khoản 12 Điều 4 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP của Chính phủ về lệ phí trước bạ quy định: Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê không phải nộp lệ phí trước bạ; trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản đã nộp lệ phí trước bạ sau đó cho chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính không phải nộp lệ phí trước bạ.

- Tại khoản 12 Điều 3 Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ quy định:

“12. Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê không phải nộp lệ phí trước bạ.

Trường hợp tài sản đã được đăng ký, nộp lệ phí trước bạ sau đó chuyển nhượng cho công ty cho thuê tài chính và được chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp trong thời hạn cho thuê tài chính, bên thuê chuyển nhượng hợp đồng thuê tài chính cho tổ chức, cá nhân khác (bên thứ ba) mà không thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng và công ty cho thuê tài chính không ký hợp đồng cho thuê tài chính với bên thứ ba thì bên thứ ba phải nộp lệ phí trước bạ khi kết thúc thời hạn thuê.

Trường hợp này, hoạt động cho thuê tài chính phải đảm bảo các điều kiện theo quy định về một giao dịch cho thuê tài chính và chủ tài sản phải xuất trình đầy đủ hồ sơ hợp pháp về tài sản thuê tài chính như:

- Hợp đồng cho thuê tài chính;
- Biên bản thanh lý hợp đồng;
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản.”

4. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT) và quản lý, sử dụng hóa đơn:

Việc xác định nghĩa vụ thuế GTGT và quản lý, sử dụng hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật quản lý thuế, pháp luật về quản lý và sử dụng hóa đơn, trong đó có một số quy định cụ thể như sau:

- Tại điểm a, đ khoản 8 Điều 5 Luật thuế GTGT hợp nhất số 05/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:

a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;”

“đ) Bán nợ;”

- Điểm d khoản 8 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 hướng dẫn khai thuế giá trị gia tăng, lập bảng kê hóa đơn bán ra, hóa đơn mua vào trong một số trường hợp cụ thể như sau:

“d) Người nộp thuế kinh doanh dịch vụ cho thuê tài chính không phải nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê tài chính, mà chỉ nộp Bảng kê hóa đơn hàng hoá, dịch vụ bán ra theo mẫu số 01-1/GTGT và Bảng kê hóa đơn hàng hoá, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT, trong đó chỉ tiêu thuế giá trị gia tăng mua vào chỉ ghi tiền thuế giá trị gia tăng của tài sản cho thuê phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng lập cho doanh thu của dịch vụ cho thuê tài chính trong kỳ

kê khai. Người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế đối với các tài sản cho đơn vị khác thuê mua tài chính.”

- Điểm d.9 khoản 1 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013:

“d) Các giấy tờ chứng minh tài sản (hoặc chủ tài sản) thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ hoặc được miễn lệ phí trước bạ trong một số trường hợp như sau:

Giấy tờ nêu tại điểm này là bản chính hoặc bản sao có công chứng hay chứng thực (trừ trường hợp quy định cụ thể).”

“d.9) Tài sản thuê tài chính:

- Hợp đồng cho thuê tài chính được ký kết giữa bên cho thuê và bên thuê tài sản theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính.

- Biên bản thanh lý hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê và bên thuê tài sản.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản của công ty cho thuê tài chính.”

- Điểm 2.12 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính:

“2.12. Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải lập hoá đơn theo quy định.

Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải có hoá đơn GTGT (đối với tài sản mua trong nước) hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với tài sản nhập khẩu); tổng số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT phải khớp với số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT (hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu).

Các trường hợp tài sản mua để cho thuê không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, không có hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu thì không được ghi thuế GTGT trên hoá đơn.

Việc lập hóa đơn như sau:

- Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính chuyển giao toàn bộ số thuế GTGT ghi trên hóa đơn tài sản mua cho thuê tài chính cho bên đi thuê tài chính được kê khai khấu trừ một lần thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính lập hóa đơn cho bên đi thuê để làm căn cứ khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

Trên hóa đơn GTGT thu tiền lần đầu của dịch vụ cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính ghi rõ: thanh toán dịch vụ cho thuê tài chính và thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, dòng tiền hàng ghi giá trị dịch vụ cho thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT của tài sản), dòng thuế suất không ghi và gạch chéo, dòng tiền thuế GTGT ghi đúng số thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính.

- Xử lý lập hóa đơn khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn:

+ Thu hồi tài sản cho thuê tài chính: Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính và bên đi thuê lựa chọn khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT của tài sản cho thuê, bên đi thuê điều chỉnh thuế GTGT đã khấu trừ tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản để chuyển giao cho tổ chức cho thuê tài chính. Trên hóa đơn GTGT ghi rõ: xuất trả tiền thuế GTGT của tài sản thu hồi; dòng tiền hàng, dòng thuế suất không ghi và gạch bỏ; dòng tiền thuế ghi số tiền thuế GTGT tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản.

+ Bán tài sản thu hồi: Tổ chức cho thuê tài chính khi bán tài sản thu hồi phải lập hóa đơn GTGT theo quy định giao cho khách hàng."

5. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNDN và Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9/01/2013.

6. Về phí, lệ phí khác:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức phi ngân hàng khác. Do vậy, việc thu phí, lệ phí đối với công ty tài chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/12/2002 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.

Bộ Tài chính trả lời Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam, Cục thuế, Cục hải quan các tỉnh, thành phố để biết và thực hiện./. *ll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCT; Vụ PC; TCHQ;
- Lưu: VT, Vụ CST(CST2)(108b)

